

TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH CỤM TUYỂN DÂN CƯ VƯỢT LŨ LÊN SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN Ở HUYỆN TÂN CHÂU, AN GIANG

Ths. Phạm Xuân Phú¹, GS.TS. Adam Pain² và Ths.Võ Tòng Anh³

TÓM TẮT

Đề tài nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu tác động của chương trình cụm tuyển dân cư vượt lũ lên sinh kế của người dân ở huyện Tân Châu, tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng những người sống trong cụm tuyển dân cư vượt lũ là những hộ nghèo (53%), hộ chính sách (11%), và hộ sạt lở (36%). Cơ hội việc làm và tổng số ngày làm việc của hộ khi vào sống trong cụm tuyển dân cư vượt lũ thì thấp hơn so với trước đây, 89% hộ không có việc làm và thu nhập của họ không ổn định. Mặc dù, nơi ở mới của họ an toàn về tính mạng, tài sản và giảm sự tổn thương từ lũ nhưng lại gia tăng sự tổn thương về sinh kế và các tệ nạn xã hội khác.

ABSTRACT

This study aims to understand the impact of residential cluster and dyke on livelihood outcomes in Tan Chau district, An Giang Province. The results show that people who live in the residential cluster and dyke area were mainly the poor and those who subject to preferential policy conditions (beneficiary of social welfare); fleeing from river bank erosion. In which, 53% fleeing from flood and 11% households subjects to preferential policy, and 36% fleeing from river bank erosion. Their job opportunity and total working days were lower than before as 89% household experienced difficulty finding jobs, and this made their income unstable. Therefore, while the new cluster and dyke provided a safe living place for them and reduces disaster/flood vulnerability, it increased vulnerability that leads to unemployment and social evils.

Keywords: : Flood, residential cluster and dyke, resettlement, livelihood, risk, vulnerability.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

An Giang là một trong những tỉnh đầu nguồn của vùng hạ lưu sông Mekong và chịu hậu quả nặng nề do lũ lụt gây ra ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân. Để hạn chế thiệt hại do lũ gây ra cho người dân ở khu vực này, các cụm tuyển dân cư vượt lũ đã được đầu tư xây dựng và phát triển khá nhanh ở 8 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, trong đó An Giang là tỉnh được nhà nước quan tâm và đầu tư cao thứ nhì (sau Đồng Tháp) với kinh phí là 190 tỷ đồng năm 2002. Mặc dù việc xây dựng cụm tuyển dân cư vượt lũ ở tỉnh An Giang bắt đầu hoàn thành giữa năm 2002 nhưng giữa 2002 đến giữa 2003 đã có rất ít người vào cụm tuyển dân cư vượt lũ. Cho đến cuối năm 2003, số người chuyển vào cụm tuyển dân cư vượt lũ vẫn rất thấp. Tuy nhiên, đến nay các cụm tuyển dân cư vượt lũ qua thời gian xây dựng đã bộc lộ nhiều hạn chế, đã có một số hộ dân chưa an tâm di dời. Qua dư luận xã hội ta thấy được những khó khăn cần phải có hướng khắc phục như: cơ sở hạ tầng cơ bản, vật chất sinh hoạt, nhà ở, môi trường, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa dịch bệnh, giáo dục, nhu cầu việc làm, các tệ nạn khác (Forde, 2003:70). Có nhiều nghiên cứu trước đây liên quan đến cụm tuyển dân cư vượt lũ ở đồng bằng sông Cửu Long như: tổ chức Care, AusAID, Forde. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ tập trung vào chính sách mà chưa tìm hiểu đến tác động của chương trình cụm tuyển dân cư vượt lũ lên sinh kế của người dân.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu tìm hiểu tác động của chương trình cụm tuyển dân cư vượt lũ lên sinh kế của người dân mà cụ thể là:

- Tìm hiểu chiến lược sinh kế của người dân đối phó với những tổn thương trước khi chuyển vào cụm tuyển dân cư vượt lũ.
- So sánh sinh kế của người dân trước và sau khi chuyển vào cụm tuyển dân cư vượt lũ.

3. GIỚI HẠN CỦA ĐỀ TÀI

- Đề tài chỉ nghiên cứu một số cụm tuyển dân cư vượt lũ điển hình của huyện Tân Châu, tỉnh An Giang (cụm dân cư trung tâm xã Vĩnh Hoà và tuyển dân cư xã Tân An).
- Nghiên cứu này chỉ phân tích hiện trạng và nguyên nhân của những bất cập đang tồn tại ở cụm tuyển dân cư vượt lũ, không đi sâu vào lĩnh vực kỹ thuật kiến trúc xây dựng và môi trường tự nhiên.

¹ Giảng viên BM Khoa học Đất, K. NN - TNTN. Email: pxphu@agu.edu.vn

² Giảng viên BM đô thị và phát triển nông thôn, Trường Đại học Thụy Điển. Email: adampain@sol.slu.se

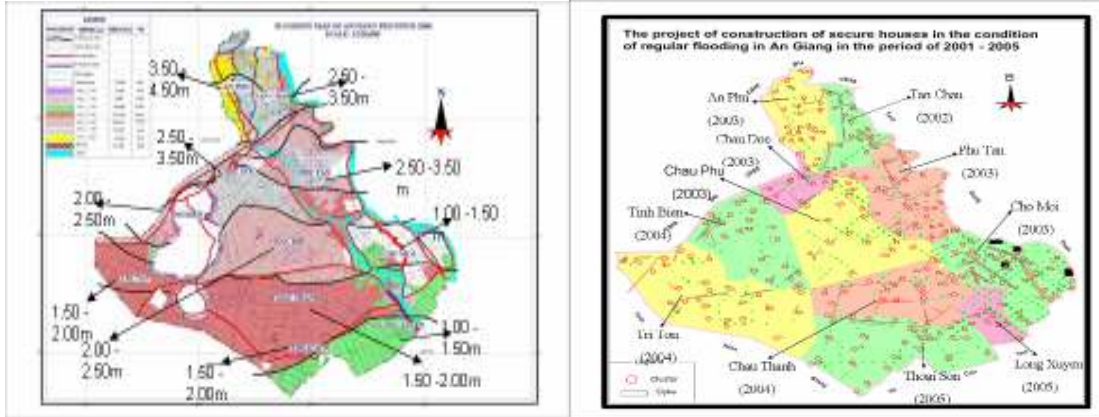
³ Chủ nhiệm khoa NN - TNTN. Email: vtanh@agu.edu.vn

- Nghiên cứu chỉ mới so sánh sinh kế trước và sau khi vào cụm tuyến dân cư vượt lũ. Chưa so sánh giữa những hộ sống trong và ngoài cụm tuyến dân cư ở cùng thời điểm.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Mô tả điểm nghiên cứu

Tân Châu là một trong những huyện đầu nguồn và ngập sâu nhất của tỉnh An Giang, nó chịu ảnh hưởng bởi lũ hàng năm. Huyện Tân Châu có nhiều cụm và tuyến dân cư vượt lũ được xây dựng (hình 1& 2)



Hình 1. Bản đồ ngập sâu tỉnh An Giang, 2000
 Nguồn: Sở thủy lợi tỉnh An Giang, 2000

Hình 2. Dự án xây dựng cụm tuyến dân cư giai đoạn 2002-2005
 Nguồn: Sở xây dựng tỉnh An Giang, 2000

Huyện Tân Châu được chọn làm điểm nghiên cứu: (i) huyện bị ngập sâu nhất, ảnh hưởng lũ hàng năm, (ii) hiện tại, chưa có nghiên cứu nào về tác động của chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ lên sinh kế của người dân ở khu vực này.

4.2. Tiêu chí chọn hộ nghiên cứu

- Những hộ sống đầu tiên trong cụm tuyến dân cư năm 2003 và có nhiều kinh nghiệm sống ở nơi mới.
- Thời gian sống ổn định trong cụm tuyến dân cư phải tương đối đủ để tìm hiểu thay đổi sinh kế của họ trước và sau khi vào cụm tuyến dân cư vượt lũ (3 năm trở lên)

4.3. Số liệu thu thập

- Thông tin về hộ : tuổi, trình độ, nguồn lực, nghề nghiệp, thu nhập, chi phí và việc làm của hộ.
- Chiến lược sinh kế của hộ dân.

4.4. Phương pháp nghiên cứu

Các thông tin được thu thập bằng cách kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm thực hiện đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA-Participatory Rural Appraisal) và sử dụng các công cụ sau: Time Line ; Seasonal Calendar; Venn Diagram; Problem Ranking Matrix; SWOT analysis và phỏng vấn sâu các cấp lãnh đạo ở địa phương. Phương pháp nghiên cứu định lượng bao gồm nghiên cứu phỏng vấn nông hộ và phỏng vấn sâu những nông hộ điển hình.

4.5. Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu định lượng và định tính được phân tích bằng các phương pháp: (i) Kết quả từ PRA sẽ được chuyển thành bảng, hình và sơ đồ. Thông tin này sẽ được kiểm tra chéo với nhau, (ii) Thông tin từ phỏng vấn nông hộ sẽ được nhập và phân tích bằng phần mềm Excel và SPSS 13.0 (Statistical Packages for the Social Services).

5. KẾT QUẢ THẢO LUẬN

5.1. Đối tượng vào sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ và quyết định vào cụm tuyến dân cư vượt lũ

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng: những người sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ là những hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách, hộ sạt lỡ. Trong đó, hộ nghèo chiếm 53%, hộ chính sách chiếm 11%, hộ

sạt lở 36% nhưng hầu hết họ cho rằng xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ cần có sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch xây dựng và quản lý cụm tuyến dân cư. Theo kết quả PRA, Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến người dân địa phương quyết định vào sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ như là: an toàn về tính mạng, tài sản, cơ sở hạ tầng, tránh lũ, dễ kiếm việc làm nhưng hầu hết các lý do quan trọng chủ yếu xoay quanh sự an toàn về tính mạng và tài sản.

Hộp thông tin số 1: Phỏng vấn ông X ở ấp Tân Hòa C, xã Tân An, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang về việc sống trong cụm tuyến dân cư. Ông cho biết rằng: “ Tôi năm nay 45 tuổi và có 5 con. Tôi được xét vào cụm tuyến dân cư vượt lũ bởi vì gia đình tôi thuộc đối tượng chạy lũ, tôi không có lựa chọn nào khác, vào đây được an toàn về tính mạng và tài sản. Nhà nước kêu vô thì cứ vô ở, vì nếu nay mai không trả được nợ, mà nhà nước thu hồi lại đất, tôi sẽ trở về nơi ở cũ”. Đây là một vấn đề thực tế mà những người sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ họ nghĩ, nếu không có bất cứ sự hỗ trợ nào của chính quyền địa phương và chính phủ.

Nguồn: phỏng vấn sâu, Phạm Xuân Phú, 2006

Kết quả trên cho thấy rằng, những người sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ là những người nghèo, họ không có thể đối phó với lũ và họ phải tìm một nơi định cư mới để ở.

5.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của người dân sống trong cụm tuyến dân cư

5.2.1. Cơ cấu nghề nghiệp

Leones và Feldman (1998) chia thu nhập trong các hoạt động sinh kế nói chung thành 3 phần ⁽¹⁾ nguồn thu nhập từ sở hữu đất nông nghiệp của họ, ⁽²⁾ nguồn thu nhập từ phi nông nghiệp, ⁽³⁾ nguồn thu nhập từ nông nghiệp làm thuê.

Bảng 1. Khuynh hướng thay đổi nghề nghiệp của người dân sống trong cụm tuyến dân cư

| Danh mục | Kiểu định cư (%) | Kiểu định cư (%) | | | | | |
|---|----------------------------|------------------|-----|-----------|-------|-----|-----------|
| | | Cụm | | | Tuyến | | |
| | | Trước | Sau | Tương lai | Trước | Sau | Tương lai |
| Nguồn thu nhập từ nông nghiệp sở hữu đất của họ | Trồng trọt | 4 | 0 | 0 | 4 | 4 | 0 |
| | Chăn nuôi | 3 | 0 | 0 | 3 | 3 | 27 |
| | Làm thuê phi nông nghiệp | 0 | 44 | 22 | 2 | 3 | 2 |
| Thu nhập từ phi nông nghiệp | Thủ công mỹ nghệ | 0 | 0 | 16 | 1 | 1 | 3 |
| | Buôn bán nhỏ | 12 | 13 | 34 | 7 | 7 | 6 |
| Nguồn thu nhập từ nông nghiệp | Làm thuê trong nông nghiệp | 64 | 30 | 28 | 54 | 54 | 62 |
| | Bắt cá | 17 | 13 | 0 | 29 | 27 | 0 |
| Tổng cộng | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |

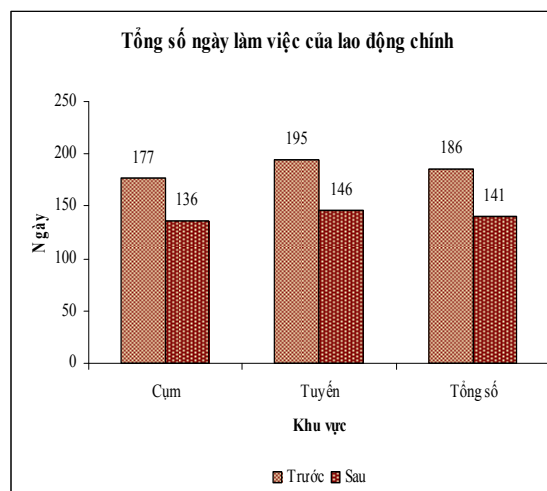
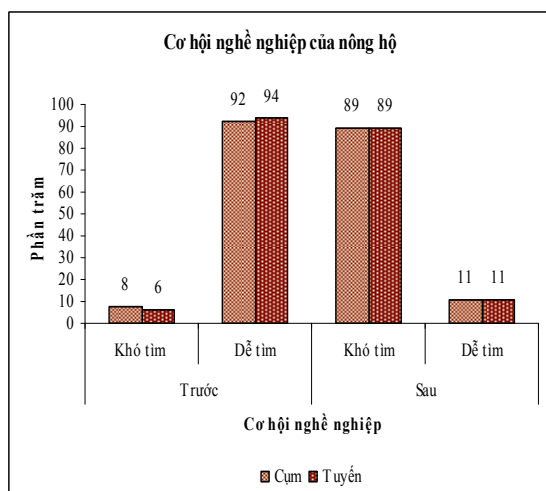
Nguồn: khảo sát nông hộ, Phạm Xuân Phú, 2006

Kết quả phỏng vấn nông hộ (bảng 1) cho thấy rằng, khi người dân vào sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ thì khuynh hướng nghề nghiệp có sự thay đổi: (i) nguồn thu nhập chính của họ sống trong cụm dân cư vượt lũ trước đây từ các hoạt động sở hữu đất nông nghiệp của họ và nông nghiệp (88% tổng thu nhập của hộ), còn lại là hoạt động phi nông nghiệp (12% tổng thu nhập của hộ). Sau khi vào cụm tuyến dân cư vượt lũ thì cơ cấu nghề nghiệp có thay đổi. Đặc biệt, thu nhập từ các hoạt động sở hữu đất nông nghiệp và nông nghiệp làm thuê giảm xuống và chỉ có 43% tổng thu nhập của hộ, trong khi đó thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp tăng lên 57% tổng thu nhập của hộ; (ii) ở trong tuyến dân cư vượt lũ, thu nhập chính của họ là từ các hoạt động sở hữu đất nông nghiệp của họ và nông nghiệp làm thuê chỉ giảm từ 90% đến 89% tổng thu nhập của hộ và thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp tăng lên từ 10% đến 11% tổng thu nhập của hộ. Sự thay đổi này không có ý nghĩa về mặt thống kê, bởi vì điều kiện sống và sản xuất ở tuyến dân cư vượt lũ là tương tự như nơi ở trước đây của họ.

Có sự khác nhau giữa cụm và tuyến dân cư là người dân thích sống ở tuyến hơn ở cụm bởi vì tuyến dân cư dọc theo sông, kênh rạch, nên có thể trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản hoặc có chỗ đậu xuồng gần nơi ở của họ mà các cụm không có những điều kiện này. Khuynh hướng nghề nghiệp trong cụm từ hoạt động phi nông nghiệp (72%) cao hơn so với những người ở trong tuyến (11%). Trái lại, những người dân ở

trong cụm các hoạt động làm thuê từ nông nghiệp (28%) thấp hơn so với những người sống ở trong tuyến (62%).

5.2.2. Cơ hội tìm kiếm việc làm của nông hộ trước và sau khi vào cụm tuyến dân cư



Hình 3. Cơ hội nghề nghiệp của nông hộ

Nguồn: *Phỏng vấn nông hộ, Phạm Xuân Phú, 2006*

Hình 4. Tổng số ngày làm việc của lao động chính

Nguồn: *Phỏng vấn nông hộ, Phạm Xuân Phú, 2006*

Theo kết quả phỏng vấn (hình 3 & 4) cho thấy, trước đây khi vào cụm tuyến dân cư, cơ hội tìm việc làm rất cao (90%). Tuy nhiên, kể từ khi vào cụm tuyến dân cư, cơ hội việc làm lại giảm xuống còn 11%. Sự giảm công ăn việc làm của họ là do trước đây khi vào cụm thì nghề nghiệp chính của họ chủ yếu là làm thuê trong nông nghiệp, hoặc làm thuê những việc đơn giản cho các nông hộ khác. Công việc như vậy mang tính thời vụ và thường thu nhập là đủ sống, nhưng khi chuyển vào sống trong cụm tuyến dân cư, môi trường sống của họ bị thay đổi, phần lớn không còn gắn với đồng ruộng như trước kia, nên số lượng công việc giảm đi. Hiện nay, trong cụm tuyến dân cư chưa có hoặc rất ít doanh nghiệp hoạt động nên hạn chế cơ hội việc làm phi nông nghiệp. Thêm vào đó, nhiều người nghèo không muốn thay đổi thói quen, tập quán cũ, chỉ muốn làm những công việc giống cha mẹ của họ vẫn làm, hoặc làm theo những người trong xóm, ấp. Thêm vào đó, trình độ học vấn thấp của người nghèo cũng hạn chế cơ hội tìm việc trong các công ty, xí nghiệp, nên cần có sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc đào tạo nghề, mới mong việc tìm kiếm việc làm tốt hơn và thu nhập cao hơn.

Bảng 2. Sự khác nhau về thu nhập giữa các nhóm đối tượng sau khi vào cụm tuyến dân cư

| Mã (I) | Mã (J) | Khác biệt trung bình (I-J) | Mức ý nghĩa | Khoảng tin cậy (95%) | |
|--------|--------|----------------------------|-------------|----------------------|---------------|
| | | | | Giới hạn dưới | Giới hạn trên |
| 1 | 2 | 355.556 | .629 | -1096.83 | 1807.95 |
| | 3 | -4527.778* | .000 | -5980.17 | -3075.39 |
| | 4 | -3236.111* | .000 | -4688.50 | -1783.72 |
| 2 | 1 | -355.556 | .629 | -1807.95 | 1096.83 |
| | 3 | -4883.333* | .000 | -6335.72 | -3430.94 |
| | 4 | -3591.667* | .000 | -5044.06 | -2139.28 |
| 3 | 1 | 4527.778* | .000 | 3076.39 | 5980.17 |
| | 2 | 4883.333* | .000 | 3430.94 | 6335.72 |
| | 4 | 1291.667 | .081 | -160.72 | 2744.06 |
| 4 | 1 | 3236.111* | .000 | 1783.72 | 4688.50 |
| | 2 | 3591.667* | .000 | 2139.28 | 5044.06 |
| | 3 | -1291.667 | .081 | -2744.06 | 160.72 |

* Khác biệt trung bình có ý nghĩa thống kê ở mức 5%

Nguồn khảo sát nông hộ, Phạm Xuân Phú, 2006

Chú thích:

1: Hộ sạt lở
3: Hộ nghèo

2: Hộ chính sách
4: Hộ chạy lũ

Khi xem xét và đánh giá sự khác nhau về thu nhập của các nhóm hộ sau khi vào cụm tuyến dân cư, giả thuyết như sau:

$$H_0: \overline{x_i} = \overline{x_j} \quad (\text{thu nhập của mỗi nhóm hộ là bằng nhau});$$

$$H_1: \overline{x_i} \neq \overline{x_j} \quad (\text{thu nhập của mỗi nhóm hộ là không bằng nhau}).$$

Hầu hết các hộ sống trong cụm tuyến dân cư là hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế tương tự như nhau, do đó sự phân biệt phân hóa giàu nghèo trong cụm tuyến dân cư là rất ít và chậm chạp. Nguồn thu nhập chính của họ chủ yếu từ làm thuê nông nghiệp và phi nông nghiệp và làm theo mùa vụ nên thu nhập không ổn định. Khi vào sống trong cụm tuyến dân cư, cơ hội nghề nghiệp lại bị giảm do mất các mối quen biết ở nơi cũ từ các hoạt động làm thuê nông nghiệp trong khi họ cũng không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ việc làm từ chính quyền địa phương hay các tổ chức nào ở nơi ở mới. Trái lại, trong cụm tuyến dân cư, chi phí tăng cao hơn trước đây bởi vì họ dễ tiếp cận với các dịch vụ và đua đòi theo lối sống đô thị, như xem film, đánh bài, đá gà, chơi số đề và các tệ nạn xã hội khác. Thu nhập trung bình/tháng/người giảm khoảng 17.000 đồng, trong khi đó chi phí trung bình tăng tháng/người là 30.000 đồng. Bên cạnh đó, khi mua nền nhà trả chậm bắt đầu từ năm thứ sáu người dân phải trả tiền đã vay. Thời hạn trả trong 5 năm, tức 60 tháng, số tiền phải trả là 17.500.000 đồng. Như vậy, mỗi tháng họ phải trả là 291.670 đồng, trong khi cơ hội tăng thu nhập chưa có nên khả năng trả nợ tiền vay trả chậm nền nhà và nhà ở với số tiền nói trên là rất khó khăn. Vì thế, hầu hết những hộ vào sống ở cụm tuyến có suy nghĩ cứ vào ở rồi tính sau.

Thông tin số 2: Phỏng vấn Ông XX, ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hòa, Huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, năm nay 35 tuổi và có 4 người con về vấn đề khả năng trả nợ khi vào cụm tuyến dân cư, Ông cho rằng: “Hằng ngày mần ăn chẳng đủ, lấy gì mà trả nợ, nhà nước kêu chúng tôi vô ở thì chúng tôi vô ở, nếu chúng tôi không có khả năng trả nợ thì nhà nước thu hồi lại đất và nhà thì ít nhất gia đình tôi đã ở được 5 năm rồi, nhưng chắc như các lần vay khác nhà nước cũng sẽ xóa nợ thôi”

Nguồn: phỏng vấn sâu, Phạm Xuân Phú, 2006

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xây dựng và phát triển cụm tuyến dân cư vượt lũ là một chính sách khá mới và rất quan trọng của Chính phủ Việt Nam. Mục đích của chính sách này là nhằm giúp ổn định cuộc sống và xúc tiến những cải thiện bền vững cho cuộc sống của cộng đồng dân cư “sống chung với lũ”. Tuy nhiên, sinh kế của người dân sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức lớn:

- Những người sống trong cụm tuyến cư chính là những người nghèo, hộ chạy lũ, hộ sạt lở. Khi vào cụm tuyến dân cư vượt lũ, họ được an toàn về tính mạng và tài sản. Tuy nhiên, cơ hội việc làm và tổng số ngày làm việc của họ khi vào sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ giảm so với nơi ở trước đây.
- Những người sống trong cụm dân cư vượt lũ có cơ cấu nghề nghiệp thay đổi so với trước đây: việc làm phi nông nghiệp tăng lên nhưng thu nhập giảm xuống do việc làm không bền vững và ổn định, trong khi đó chi phí lại tăng lên so với nơi ở trước đây.
- Những người sống trong cụm tuyến dân cư dù an toàn về tính mạng nhưng giảm cơ hội việc làm.

Tóm lại, những người vào sống trong cụm tuyến dân cư vượt lũ an toàn về tính mạng, tài sản và giảm sự tổn thương từ lũ nhưng lại gia tăng sự tổn thương về sinh kế và các tệ nạn xã hội khác. Do đó, để giúp người dân ổn định cuộc sống của họ ở nơi định cư mới chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành có liên quan nên kết hợp mở các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp; phát triển các ngành nghề truyền thống, thu hút một số xí nghiệp vừa và nhỏ để giải quyết việc làm cho lực lượng lao động dư thừa. Bên cạnh đó, người dân cũng nên chủ động thay đổi tập quán lao động chủ yếu làm thuê trong nông nghiệp trước đây sang các hoạt động phi nông nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

AusAID. 2003. Participatory poverty assessment in the Mekong Delta.

AusAID. 2004. Mekong Delta poverty analysis.

CARE International. 2003. Report on residential clusters research in An Giang, Dong Thap, Long An in Provinces in the Mekong Delta, Vietnam.

Fforde Adam et al. 2003. Report on residential clusters research in An Giang, Dong Thap and Long An Provinces in the Mekong Delta, Vietnam.

Leones, J. P, and S. Feldman. 1998. Non-farm activity and rural household income. Evidence from Philippine Microdata. Economic development and cultural change. Vol 46. No.4.